

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hạnh;
2. Bà Phạm Thị Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh -Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử phiên tòa dân sự số 385/TB-TA ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Chí K-Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 108, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn N; trú tại: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Anh T, ông K, ông N có mặt tại phiên tòa, chị K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/11/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

Tôi và chị K kết hôn vào ngày 23/11/2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Đến năm 2018, chị K bỏ nhà đến tỉnh Quảng Nam sinh sống, cụ thể sinh sống ở địa chỉ nào thì chị K không nói. Đến năm 2020, chị K về lại địa phương nhưng không về nhà mà thuê nhà trọ ở tại trung tâm thị trấn B, sau đó chị K tiếp tục trở lại tỉnh Quảng Nam sinh sống cho đến nay không về lại địa phương. Tuy nhiên, chị K vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ và chị ruột của chị K. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mẹ và chị ruột của chị K đã thông báo cho chị K biết toàn bộ nội dung khởi kiện của anh T tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tư nhưng chị K vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện Ba Tư để giải quyết mà cố tình trốn tránh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Anh T và chị K có 01 người con chung tên là Phạm Thị L, sinh ngày 05/9/2006. Nếu ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Bị đơn chị Phạm Thị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay chị Phạm Thị K vẫn không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đánh giá ý kiến của chị K.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203, 220, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị K.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Thị L, sinh ngày 05/9/2006 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Phạm Thị K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu

khởi kiện của anh Phạm Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn chị Phạm Thị K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp. Anh T trình bày cuộc sống chung của anh và chị K phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và hiện nay đã sống ly thân. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho chị K nhưng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay chị K không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hiện nay không có mặt tại địa phương.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, qua làm việc với mẹ ruột, chị ruột của chị K đều xác nhận hộ khẩu thường trú của chị K vẫn còn đăng ký tại thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị K qua điện thoại. Hiện nay, chị K đang sinh sống tại tỉnh Quảng Nam, nhưng gia đình không rõ địa chỉ cụ thể vì chị K không nói cho gia đình biết. Gia đình đã thông báo cho chị K biết về các yêu cầu khởi kiện của anh T tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ. Điều đó chứng tỏ chị K cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị K đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh T yêu cầu ly hôn với chị K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thị L, sinh ngày 05/9/2006, cháu L cũng có nguyện vọng sống cùng anh T. Chị K đến nay không có ý kiến, để đảm bảo cho cháu L phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đảm bảo về việc học tập, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị L, sinh ngày 05/9/2006 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Phạm Thị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004894 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/7/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- UBND xã B, huyện Ba Tơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan